

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2017/DS-ST
Ngày: 02-11-2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay
tài sản và hợp đồng hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quan Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vạn Thế
2. Ông Nguyễn Văn Lực

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảy – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2017/QĐXXST-DS, ngày 16/10/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị Mỹ C, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 214 đường Nguyễn Cư Trinh, KDC ấp A, B, huyện V, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số 334C, khóm H, thị trấn V, huyện V, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2017 tại các phiên họp hòa giải cũng như tại phiên tòa chị Lê Thị Mỹ C trình bày:

Vào năm 2015 bà Nguyễn Thị Thu V có vay của chị C số tiền là 200.000.000 đồng, có làm biên nhận, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất vay là 3,5%/tháng. Đến ngày 20/5/2016 thì bà V có trả được cho chị C số tiền là

50.000.000 đồng. Sau đó bà V trả tiếp được 10.900.000 đồng, trừ số tiền hội 9.000.0000 đồng chị C còn nợ bà V của dây hội khác, hiện bà V còn thiếu chị C 130.100.000 đồng.

Ngoài ra vào ngày 05/7/2016 chị C có tham gia 02 phần hội của dây hội 500.000 đồng do bà V làm chủ, gồm 21 phần, mỗi tháng khai một lần, chị C đóng hội được 09 lần với số tiền là 9.000.000 đồng, đến lần khai 10 vào ngày 05/12/2016 bà V tuyên bố bế hội. Đến ngày 07/8/2017 bà V có trả được 9.000.000 đồng (Trong đó trả tiền hội 8.340.000 đồng, trả tiền vay 660.000 đồng), còn lại 660.000 đồng tiền hội trong dây hội này Công an xác định là số tiền bà V chiếm đoạt của chị C, bà V đã nộp đủ số tiền này cho cơ quan Công an, chị C đã nhận xong. Như vậy, số tiền nợ hội 9.000.000 đồng bà V đã trả xong nên chị C xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền hội và rút yêu cầu xử lý hình sự đối với bà V.

Nay chị C yêu cầu bà V trả số tiền vốn vay còn lại là 129.440.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm bốn chục ngàn đồng). Không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất số 85 tờ bản đồ số 30 do bà V đứng tên.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thu V trình bày:

Bà V thừa nhận vào năm 2015 có vay của chị C số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất vay là 3,5%/tháng. Đến ngày 20/5/2016 thì bà V có trả được cho chị C số tiền là 50.000.000 đồng. Sau đó bà V trả tiếp được 10.900.000 đồng, trừ số tiền hội 9.000.0000 đồng chị C còn nợ bà V của dây hội khác. Vậy bà V còn thiếu chị C vốn vay là 130.100.000 đồng.

Ngoài ra vào ngày 05/7/2016 chị C có tham gia 02 phần hội của dây hội 500.000 đồng do bà V làm chủ, gồm 21 phần, mỗi tháng khai một lần, chị C đóng hội được 09 lần với số tiền là 9.000.000 đồng, đến lần khai thứ 10 vào ngày 05/12/2016 bà V tuyên bố bế hội. Đến ngày 07/8/2017 bà V có trả cho chị C được 9.000.000 đồng (Trong đó trả tiền hội 8.340.000 đồng, trả tiền vay 660.000 đồng), còn lại 660.000 đồng tiền hội trong dây hội này Công an xác định là số tiền bà V chiếm đoạt của chị C, bà V đã nộp đủ số tiền này cho cơ quan Công an, chị C đã nhận xong.

Nay bà V đồng ý hoàn trả cho chị C số tiền vốn vay còn nợ là 129.440.000 đồng. Bà V không đồng ý Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất số 85 tờ bản đồ số 30 do bà V đứng tên, vì thửa đất trên bà V đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Minh K, bà V đã nhận đủ tiền của anh K là 750.000.00 đồng để giải chấp giấy tờ nhà đất ở Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện V, số tiền còn lại 376.000.000 đồng bà V trả cho chủ nợ khác và giao nộp cho Cơ quan Công an để trả cho các chủ nợ trong đó có chị C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước

thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ C. Bà Nguyễn Thị Thu V phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Mỹ C số tiền vốn vay còn lại là 129.440.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Mỹ C khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự hội và hợp đồng dân sự vay tài sản với bà Nguyễn Thị Thu V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1965; Địa chỉ: 334C khóm H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Lê Thị Mỹ C yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu V trả số tiền vay còn nợ là 129.440.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm bốn chục ngàn đồng), số tiền nợ hội 9.000.000đ (Chín triệu đồng) chị C đã rút yêu cầu khởi kiện phần nợ hội này nên yêu cầu của chị C chỉ còn là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2017 chị Lê Thị Mỹ C yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu V trả lại 9.000.000 đồng tiền hội. Tại phiên tòa hôm nay chị C xin rút yêu cầu đối với tiền hội nói trên. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả lại 9.000.000 đồng tiền hội của chị C.

[3] Về nội dung tranh chấp: Vào năm 2015 bà Nguyễn Thị Thu V có vay của chị C số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất vay là 3,5%/tháng. Đến nay thì bà V có trả được cho chị C số tiền là 70.560.000 đồng, hiện bà V còn thiếu chị C 129.440.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ C yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu V trả số tiền vay còn nợ là 129.440.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc bà V giao kết hợp đồng vay tiền của chị C là có thật, bà V đã thừa nhận. Bà V không thực hiện trả tiền đúng hạn cho chị C là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nay chị C yêu cầu bà V trả số tiền vay còn nợ là có cơ sở theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005. Như vậy: Đối với số tiền vốn vay là 129.440.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm bốn chục ngàn đồng), bà Nguyễn Thị Thu V đã thừa nhận nợ và đồng trả cho chị Lê Thị Mỹ C là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Do các đương sự không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Đối với số tiền 660.000 đồng là số tiền bà V tự ý lấy tên hội viên là Thẩm để hốt và chiếm dụng của chị C trong đây hội 500.000 đồng ngày 05/7/2016 hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đang xem xét giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi Viện kiểm sát có truy tố.

[6] Đối với việc chị C yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời với hình thức phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 85 tờ bản đồ số 30 do bà V đứng tên là chưa có căn cứ Hội đồng xét xử không chấp nhận. Bởi vì, bà V không có ý thức tẩu tán tài sản đối với thửa đất số 85 tờ bản đồ số 30 do bà V đứng tên, việc bà V chuyển nhượng nhà và đất cho anh Nguyễn Minh K là hợp pháp bà V đã nhận đủ tiền của của anh K là 750.000.00đ để giải chấp giấy tờ nhà đất ở Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện V, số tiền 376.000.000 đồng còn lại bà V dùng trả cho chủ nợ khác và đã giao nộp cho Cơ quan Công an để trả cho các chủ nợ trong đó có chị C.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị C nên bà V phải chịu án phí đối với số tiền phải trả theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 305, 471, 474 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ C đối với bà Nguyễn Thị Thu V.

2. Công nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thu V như sau: Bà Nguyễn Thị Thu V đồng ý hoàn trả cho chị Lê Thị Mỹ C số tiền vốn vay còn lại là 129.440.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm bốn chục ngàn đồng) theo biên nhận nợ ngày 20 tháng 5 năm 2016.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Lê Thị Mỹ C có đơn yêu cầu thi hành án, bà Nguyễn Thị Thu V chưa trả đủ số tiền trên cho chị C thì bà V còn phải trả lãi cho chị C theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng từng thời gian thi hành án.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu V trả lại 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) tiền hội.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật số tiền là 6.472.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho chị Lê Thị Mỹ C là 3.725.000 đồng (Ba triệu bảy trăm hai mươi năm nghìn đồng) theo biên lai thu số 16471 ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

6. Án xử công khai có mặt các bên đương sự báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Huyện;
- VKSND Huyện;
- TAND Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Quan Nam